

# **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI KÍNH VIỆT NHẬT**

## **CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

### **1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ THƯƠNG MẠI KÍNH VIỆT NHẬT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NHAT GLASS TRADING AND IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIET NHAT GLASS TRADIMEX., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108439434

**3. Ngày thành lập:** 20/09/2018

### **4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 27 Yết Kiêu, Phường Yết Kiêu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

### **5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| <b>STT</b> | <b>Tên ngành</b>                                                                                                                                                                  | <b>Mã ngành</b> |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1.         | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết:<br>Cung ứng và quản lý người lao động trong nước                                                                                  | 7830            |
| 2.         | Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh                                                                                                                                       | 2310            |
| 3.         | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                        | 2512            |
| 4.         | Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)                                                                                                                                          | 2513            |
| 5.         | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                  | 2591            |
| 6.         | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                      | 2592            |
| 7.         | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                                                                                                       | 2593            |
| 8.         | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu                                                                                                                                             | 2420            |
| 9.         | Đúc sắt, thép                                                                                                                                                                     | 2431            |
| 10.        | Sản xuất đồng hồ                                                                                                                                                                  | 2652            |
| 11.        | Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất thiết bị đóng mở cửa bằng điện;<br>- Sản xuất chuông điện;<br>- Sản xuất dây phụ trợ được làm từ dây cách điện; | 2670            |
| 12.        | Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học                                                                                                                                           | 2680            |
| 13.        | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh           | 4759            |

|     |                                                                                                                                                                                                                |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4773        |
| 15. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết:<br>Cho thuê ô tô;<br>Cho thuê xe có động cơ khác như: Cho thuê xe giải trí, xe trượt tuyết...                                                                              | 7710        |
| 16. | Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp                                                                                                                                         | 2660        |
| 17. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                      | 2750        |
| 18. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                                                    | 2790        |
| 19. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                                                         | 3311        |
| 20. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                         | 3314        |
| 21. | Sản xuất sản phẩm chịu lửa                                                                                                                                                                                     | 2391        |
| 22. | Đại lý du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa và kinh doanh lữ hành quốc tế                                                                                                                           | 7911        |
| 23. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                                                       | 2410        |
| 24. | Đúc kim loại màu                                                                                                                                                                                               | 2432        |
| 25. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                 | 2511        |
| 26. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                                                        | 2733        |
| 27. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                                                                            | 2731        |
| 28. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                              | 2740        |
| 29. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                     | 3312        |
| 30. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện                                                                           | 4649        |
| 31. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết:<br>Bán buôn sắt, thép;                                                                                                                                        | 4662        |
| 32. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>Bán buôn kính xây dựng;<br>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;<br>Bán buôn đồ ngũ kim;                                           | 4663(Chính) |
| 33. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                                                         | 2732        |
| 34. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket);<br>Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)                                                         | 4719        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 35. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4742 |
| 36. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |
| 37. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Sản xuất sản phẩm đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn                                                                                                                                                                                              | 2599 |
| 38. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3313 |
| 39. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                      | 4789 |
| 40. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                                                                             | 4791 |
| 41. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7820 |

**6. Vốn điều lệ:** 18.900.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức       | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGÔ QUỐC HUY    | Số 13 dãy C ngõ 18 Ngô Quyền, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 472.500    | 4.725.000.000         | 25,000    | 0330820044<br>52                                                                            |         |
|     |                 |                                                                                            | Tổng số           | 472.500    | 4.725.000.000         | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN VĂN TIẾN | Số 1, Tổ dân phố 15, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông | 472.500    | 4.725.000.000         | 25,000    | 0190810003<br>04                                                                            |         |
|     |                 |                                                                                            | Tổng số           | 472.500    | 4.725.000.000         | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                 |                                                                                            |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |            |                                                                         |                   |         |               |        |                  |  |
|---|------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------|---------------|--------|------------------|--|
| 3 | VŨ VĂN CẦN | Xóm 1, Xã Giao Tân, Huyện Giao Thủy, Tỉnh Nam Định, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông | 472.500 | 4.725.000.000 | 25,000 | 0360860022<br>67 |  |
|   |            |                                                                         | Tổng số           | 472.500 | 4.725.000.000 | 25,000 |                  |  |
| 4 | LÊ VĂN THƠ | Thôn Đa Chất, Xã Đại Xuyên, Huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 472.500 | 4.725.000.000 | 25,000 | 0010830151<br>57 |  |
|   |            |                                                                         | Tổng số           | 472.500 | 4.725.000.000 | 25,000 |                  |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN TIẾN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 28/09/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 019081000304

Ngày cấp: 12/03/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 1, Tổ dân phố 15, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 1, Tổ dân phố 15, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội